

27	1331060031	Phùng Nhật	Quang	14/12/1991	6,70	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
28	1331060032	Ngô Văn	Quân	24/9/1990	6,50	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
29	1331060033	Vũ Văn	Quân	18/7/1991	6,30	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
30	1331060035	Nguyễn Tiên	Sinh	15/7/1991	6,50	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
31	1331060036	Trần Ngọc	Tấn	3/10/1991	7,76	Khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
32	1331060038	Phạm Văn	Thành	1/4/1989	6,48	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
33	1331060039	Trần Tuấn	Thành	18/8/1990	5,97	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
34	1331060040	Bùi Hữu	Thăng	20/01/1988	6,80	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
35	1331060042	Vũ Trọng	Thuấn	15/12/1991	6,51	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
36	1331060044	Nguyễn Thành	Tín	23/4/1990	6,31	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
37	1331060045	Vũ Đức	Trọng	25/4/1991	6,24	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
38	1331060046	Nguyễn Thành	Trung	19/7/1991	6,45	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
39	1331060047	Lê Thanh	Tùng	29/01/1991	6,71	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa
40	1331060048	Nguyễn Văn	Tuyên	14/06/1991	6,83	TB khá	Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	Tự động hóa

nh2

DANH SÁCH LỚP LT KHAI THÁC - K6 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 1184 /QĐ-MĐ ngày 01tháng 10 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành
1	1331040004	Trần Văn	Bách	24/04/1990	6,26	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
2	1331040009	Phan Văn	Chiến	1/9/1989	6,66	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
3	1331040012	Trương Đức	Cường	18/10/1991	6,13	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
4	1331040014	Nguyễn Thành	Đạt	24/02/1990	7,00	Khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
5	1331040015	Nguyễn Đình	Điệp	4/9/1991	6,42	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
6	1331040018	Nguyễn Hữu	Đông	28/7/1991	6,50	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
7	1331040020	Trần Phong	Hải	7/6/1991	6,84	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
8	1331040021	Trương Minh	Hiền	7/1/1983	6,76	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
9	1331040022	Đoàn Quang	Hiệp	22/04/1984	6,71	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
10	1331040023	Đặng Trung	Hiếu	24/06/1989	6,47	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
11	1331040024	Nguyễn Xuân	Hiếu	7/2/1990	6,94	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
12	1331040027	Nguyễn Quốc	Hoàng	6/10/1991	6,75	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
13	1331040028	Trần Văn	Hoạt	17/8/1989	6,97	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
14	1331040031	Phan Hữu	Hưng	11/10/1990	6,23	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
15	1331040036	Nghiêm Văn	Linh	6/2/1990	6,56	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
16	1331040034	Bùi Tường	Linh	2/11/1989	6,64	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
17	1331040038	Hoàng Kim	Mạnh	27/7/1991	6,18	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
18	1331040041	Phạm Hoài	Nam	3/8/1990	6,15	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
19	1331040042	Lê Văn	Năm	5/3/1985	6,75	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
20	1331040044	Trần Văn	Quyết	5/5/1991	6,80	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
21	1331040045	Lê Công	Quỳnh	6/8/1991	6,91	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
22	1331040047	Nguyễn Ngọc	Sáng	20/10/1990	6,36	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
23	1331040048	Đặng Thọ	Tân	5/3/1991	6,14	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
24	1331040049	Nguyễn Văn	Tân	12/7/1991	6,55	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
25	1331040050	Phạm Hữu	Thành	26/01/1986	6,64	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
26	1331040054	Phùng Thị	Trang	23/9/1991	7,23	Khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
27	1331040058	Trần Mạnh	Tuấn	30/07/1988	6,70	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
28	1331040059	Vũ Ngọc	Tuấn	1/9/1989	6,00	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
29	1331040064	Nguyễn Văn	Vinh	7/11/1990	6,55	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
30	1331040001	Vũ Đình	An	11/1/1991	6,93	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác

202

31	1331040002	Lê Đăng	Anh	9/9/1990	6,11	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
32	1331040003	Lê Tuấn	Anh	3/12/1991	6,60	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
33	1331040006	Vũ Thái	Bình	5/10/1987	6,71	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
34	1331040007	Bùi Xuân	Cảnh	3/3/1989	6,47	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
35	1331040016	Hoàng Văn	Đoàn	13/11/1991	6,42	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
36	1331040017	Nguyễn Đức	Đô	29/11/1989	6,65	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
37	1331040019	Trần Văn	Đường	1/10/1989	7,46	Khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
38	1331040029	Nguyễn Viết Tiến	Hoàng	3/11/1991	6,40	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
39	1331040030	Lưu Sỹ	Huy	10/5/1991	7,43	Khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
40	1331040032	Hoàng Trung	Kiên	10/5/1977	6,67	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
41	1331040033	Phạm Văn	Kiên	18/02/1991	7,24	Khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
42	1331040035	Đỗ Văn	Linh	13/07/1990	6,31	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
43	1331040037	Nguyễn Duy	Linh	19/10/1991	6,61	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
44	1331040039	Trịnh Văn	Mạnh	10/8/1989	6,42	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
45	1331040040	Đào Văn	Mỹ	17/8/1984	6,97	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
46	1331040043	Lưu Văn	Quyển	27/9/1990	6,41	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
47	1331040046	Trần Văn	Quỳnh	26/05/1986	6,19	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
48	1331040051	Ngô Bá	Thiệu	5/11/1990	6,13	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
49	1331040052	Phạm Văn	Thịnh	24/02/1990	6,42	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
50	1331040053	Lương Ngọc	Toản	6/1/1989	6,64	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
51	1331040055	Nguyễn Công	Trung	5/11/1990	6,66	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
52	1331040057	Nguyễn Khang	Tuân	19/09/1991	6,86	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
53	1331040060	Đặng Sơn	Tùng	1/6/1991	7,00	Khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
54	1331040061	Lê Thanh	Tùng	27/8/1991	6,52	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác
55	1331040062	Vũ Đình	Tường	31/10/1990	6,33	TB khá	Kỹ thuật mỏ	Khai thác

Handwritten signature

DANH SÁCH LỚP LT TRẮC ĐỊA (A) - K6 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 1184 /QĐ-MĐ ngày 01 tháng 10 năm 2015)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành
1	1331030004	Nguyễn Ngọc	Anh	15/09/1990	6,55	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
2	1331030006	Nguyễn Ngọc	ánh	31/10/1991	7,27	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
3	1331030008	Vũ Đình	Bình	23/5/1978	6,73	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
4	1331030010	Ngô Đình	Cầm	1/1/1991	6,41	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
5	1331030012	Hà Đình	Chiến	21/01/1988	6,31	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
6	1331030014	Trịnh Kim	Chuân	24/09/1990	6,96	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
7	1331030018	Hoàng Văn	Cường	25/12/1991	6,48	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
8	1331030020	Trần Đức	Cường	5/1/1990	6,60	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
9	1331030029	Vũ Đình	Đức	2/9/1991	6,58	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
10	1331030031	Nguyễn Kim	Hà	27/07/1979	5,70	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
11	1331030039	Lê Hồng	Hiếu	16/9/1990	6,01	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
12	1331030043	Nguyễn Văn	Hoàng	13/03/1991	6,53	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
13	1331030045	Nguyễn Sĩ	Huấn	12/7/1991	6,80	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
14	1331030050	Đỗ Văn	Huỳnh	19/11/1988	6,77	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
15	1331030052	Nguyễn Duy	Khánh	11/9/1991	6,93	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
16	1331030054	Nhữ Xuân	Khoa	6/11/1991	6,94	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
17	1331030056	Nguyễn Trung	Kiên	19/12/1991	6,72	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
18	1331030059	Nguyễn Việt	Lâm	2/9/1990	6,39	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
19	1331030061	Bùi Anh	Long	9/2/1991	6,48	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
20	1331030063	Nguyễn Thị Thanh	Mai	4/9/1991	6,74	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
21	1331030066	Trần Văn	Mạnh	20/11/1991	6,47	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
22	1331030071	Vũ Thị Bích	Ngọc	15/9/1991	7,25	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
23	1331030073	Vũ Văn	Nguyên	25/3/1991	7,00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
24	1331030075	Đình Văn	Nhượng	20/01/1991	6,51	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
25	1331030079	Hoàng Minh	Phúc	30/06/1991	6,45	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa
26	1331030083	Lương Xuân	Quang	4/10/1990	6,76	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa

Handwritten signature

27	1331030092	Nguyễn Văn	Son	2/12/1991	7,29	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
28	1331030096	Hoàng Công	Thành	16/11/1991	6,47	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
29	1331030098	Nguyễn Việt	Thắng	12/5/1991	6,33	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
30	1331030101	Phạm Minh	Thiếu	27/8/1990	6,56	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
31	1331030103	Phan Thị	Thuận	12/8/1990	6,91	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
32	1331030106	Nguyễn Thương	Tín	1/6/1991	6,52	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
33	1331030108	Huỳnh Thế	Trọng	12/1/1991	6,38	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
34	1331030111	Đoàn Minh	Tuấn	12/10/1990	7,00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
35	1331030113	Nguyễn Thanh	Tuấn	11/2/1991	6,24	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
36	1331030115	Trương Minh	Tuấn	11/8/1988	6,44	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
37	1331030121	Nguyễn Mạnh	Tuyến	25/8/1991	6,69	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
38	1331030124	Hoàng Quốc	Việt	10/9/1987	6,84	TB khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa
39	1331030129	Vũ Ngọc	Vững	2/12/1987	7,31	Khá	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa

Handwritten signature

Số: 100/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 07 sinh viên cao đẳng khóa 56, khóa 57 hệ chính quy ngành đào tạo: CN kỹ thuật mỏ, CN kỹ thuật công trình xây dựng, CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, CN kỹ thuật cơ khí (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: ĐTDH, HCTH.



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 (BỔ SUNG) NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 1070/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 8 năm 2015)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ngành đào tạo	Lớp, khóa
1	1111060167	Mai Văn	Ước	23/07/1992	6,52	TB khá	CN kỹ thuật cơ khí	CĐ Máy và TB mỏ- K.56
2	1121060308	Hoàng Minh	Tuấn	16/5/1992	6,86	TB khá	CN kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	CĐ Tự động hóa A- K.57
3	1111060139	Hoàng Cao	Thọ	4/10/1993	6,14	TB khá	CN kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	CĐ Tự động hóa A- K.57
4	1111060028	Ngô Hữu	Đam	26/01/1993	6,34	TB khá	CN kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	CĐ Tự động hóa A- K.57
5	1111060101	Đặng Thái	Phương	30/11/1993	5,94	Trung bình	CN kỹ thuật điều khiển, tự động hóa	CĐ Tự động hóa B- K.56
6	1211020170	Bùi Xuân	Thái	2/8/1994	5,89	Trung bình	CN kỹ thuật công trình xây dựng	CĐ Xây dựng A-K.57
7	1121040038	Hứa Mạnh	Dũng	1/3/1993	6,21	TB khá	CN Kỹ thuật mỏ	CĐ Khai thác C-K.57

Handwritten signature

Số: 1046/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng hệ chính quy;
Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 334 sinh viên cao đẳng khóa 56, khóa 57 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán, Công nghệ thông tin, CN kỹ thuật địa chất, CN kỹ thuật mỏ, CN kỹ thuật trắc địa, CN kỹ thuật công trình xây dựng, CN kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, CN kỹ thuật điện, điện tử (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

nhk

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 56, KHÓA 57 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2015 (ĐỢT 1)
(Kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-MĐC ngày 8 tháng 8 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Lớp, khóa	Khoa
1	1211060018	Phạm Tiến	Bính	15/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.18	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
2	1211060024	Nguyễn Đức	Chính	08/05/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.58	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
3	1211060034	Nguyễn Công	Dương	03/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.57	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
4	1211060066	Bùi Văn	Hoàng	10/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.44	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
5	1211060067	Lại Vy	Hoàng	18/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.75	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
6	1211060082	Lê Văn	Khai	23/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.32	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
7	1211060088	Hoàng Quang	Long	27/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.14	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
8	1211060091	Nguyễn Hữu	Lực	03/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.08	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
9	1211060094	Đỗ Hữu	Lương	29/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.39	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
10	1211060115	Trần Văn	Ninh	21/01/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.16	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
11	1211060126	Phạm Văn	Quyền	23/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.77	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
12	1211060136	Đinh Ngọc	Tân	26/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.84	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
13	1211060137	Phạm Văn	Tấn	02/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.03	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
14	1211060163	Nguyễn Văn	Tới	15/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.3	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện

Như

15	1211060169	Bùi Xuân	Trường	09/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.37	TB Khá	CCDDDK57	Cơ điện
16	1211060195	Lê Như	Vũ	21/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.81	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
17	1111060029	Cao Sĩ	Đạt	25/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.03	TB Khá	CCCDTDS6A	Cơ điện
18	1111060166	Bùi Quý	Tuyền	03/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.78	Trung bình	CCCDTDS6A	Cơ điện
19	1111060136	Trịnh Đức	Thiện	12/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.04	TB Khá	CCCDTDS6A	Cơ điện
20	1111060155	Phạm Việt	Trung	23/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.81	Trung bình	CCCDTDS6A	Cơ điện
21	1111060033	Vũ Tiến	Đạt	14/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.29	TB Khá	CCCDTDS6B	Cơ điện
22	1211060014	Lê Danh	Ban	19/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.68	TB Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện
23	1111060016	Phạm Hữu	Công	20/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.92	Trung bình	CCCDTDS7A	Cơ điện
24	1211050155	Trần Thị Thương	Chon	15/08/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.02	Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện
25	1211060039	Phan Nguyên	Đạt	23/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.35	TB Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện
26	1211060041	Vũ Tuấn	Đạt	16/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.96	Trung bình	CCCDTDS7A	Cơ điện
27	1211060047	Mạc Duy	Đức	03/08/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.93	TB Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện
28	1211060058	Văn Thị	Hằng	22/12/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.12	Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện
29	1211060059	Trần Đức	Hiệp	21/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.6	TB Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện
30	1211060064	Nguyễn Văn	Hòa	18/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.37	TB Khá	CCCDTDS7A	Cơ điện

18/12

31	1211060077	Hà Thị Huyền	07/08/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.22	Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
32	1211020113	Nguyễn Thành Luân	07/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.83	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
33	1211060097	Đào Văn Mạnh	08/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.09	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
34	1211060099	Nguyễn Văn Mạnh	05/02/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.02	Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
35	1211060107	Đào Thị Nga	06/01/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.91	Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
36	1211060114	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/07/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.33	Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
37	1211060157	Phạm Đình Tiến	25/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.81	Trung bình	CCCDTD57A	Cơ điện
38	1211060175	Đoàn Anh Tuấn	10/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.29	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
39	1211060179	Trần Anh Tuấn	17/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.14	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
40	1121060167	Trần Minh Tuấn	24/01/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.26	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
41	1211060187	Nguyễn Đức Tuyền	15/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.35	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
42	1211060148	Nguyễn Trung Thịnh	13/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
43	1211050149	Bùi Hữu Việt	19/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.24	TB Khá	CCCDTD57A	Cơ điện
44	1211060008	Nguyễn Tuấn Anh	11/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.58	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
45	1211060026	Lê Hoàng Chương	08/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.79	Trung bình	CCCDTD57B	Cơ điện
46	1211060075	Thân Văn Huy	08/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.87	Trung bình	CCCDTD57B	Cơ điện

10/11

47	1211060079	Nguyễn Văn	Hưng	21/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.38	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
48	1211060116	Vũ Việt	Ninh	13/12/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.09	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
49	1211060113	Tạ Bá	Nhất	23/01/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.96	Trung bình	CCCDTD57B	Cơ điện
50	1211060124	Đình Văn	Quản	10/06/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.7	Trung bình	CCCDTD57B	Cơ điện
51	1211020163	Đậu Anh	Tài	12/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.32	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
52	1211060162	Nguyễn Trung	Toàn	09/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.65	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
53	1211060178	Phạm Anh	Tuấn	26/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.13	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
54	1211060180	Trịnh Quốc	Tuấn	27/12/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.6	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
55	1211050139	Bùi Khánh	Tùng	31/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.56	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
56	1011060169	Trịnh Ngọc	Tùng	10/02/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.77	Trung bình	CCCDTD57B	Cơ điện
57	1211060186	Vũ Văn	Tùng	19/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.39	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
58	1211060138	Vũ Văn	Thạch	24/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.04	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
59	1211060165	Phạm Văn	Trọng	25/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.21	TB Khá	CCCDTD57B	Cơ điện
60	1211050002	Phạm Văn	An	21/06/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.22	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
61	1211050020	Nguyễn Ngọc	Dũng	28/09/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.21	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
62	1211050068	Trần Đình	Lâm	07/08/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.28	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin

11/11

63	1211050080	Phạm Thị Cát	Ly	19/09/1994	Nữ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.66	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
64	1211050181	Hoàng Văn	Nam	04/11/1993	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.16	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
65	1211050145	Quản Đức	Tuyên	20/03/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.49	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
66	1211050146	Đặng Mạnh	Tường	13/10/1993	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.16	TB Khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
67	1211050157	Trương Thị	Dung	19/06/1994	Nữ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.5	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
68	1211050053	Đặng Tài	Hội	17/03/1985	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.31	TB Khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
69	1211050077	Nguyễn Ngọc	Long	07/03/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.12	TB Khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
70	1211050088	Lương Văn	Nhậm	19/08/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.41	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
71	1211050089	Trần Văn	Nhất	07/09/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.96	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
72	1211050098	Nguyễn Thị Minh	Phương	01/11/1994	Nữ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.86	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
73	1211050135	Nguyễn Văn	Tuấn	01/05/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.93	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
74	1211050136	Hà Văn	Tuấn	09/04/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.41	TB Khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
75	1211050144	Trần Thanh	Tùng	19/05/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.84	TB Khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
76	1211050131	Phạm Thị Huyền	Trang	04/07/1993	Nữ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.04	TB Khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
77	0821020030	Mai Hồng	Dương	020788	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.96	Trung bình	CCDCDC55A	Địa chất
78	1211020011	Phùng Thị	ánh	02/01/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.66	TB Khá	CCDCDC57A	Địa chất

Uống

79	1011060182	Nguyễn Ngọc Hà	10/07/1991	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.06	* TB Khá	CCDCDC57A	Địa chất
80	1211020186	Phạm Văn Thiện	10/11/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.87	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
81	1211020192	Trần Thị Thu	08/06/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.35	TB Khá	CCDCDC57A	Địa chất
82	1211020211	Bùi Đình Trọng	09/03/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.26	TB Khá	CCDCDC57A	Địa chất
83	1211020001	Chu Văn An	10/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.17	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
84	1211020017	Đỗ Xuân Chiến	23/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.98	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
85	1211020256	Bùi Viết Dũng	11/04/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.56	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
86	1211050158	Dương Kim Dũng	01/12/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.29	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
87	1211050035	Trung Văn Đức	25/07/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.83	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
88	1211020065	Lê Văn Hải	04/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.04	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
89	1211020084	Nguyễn Văn Hùng	02/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.6	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
90	1211020242	Nguyễn Văn Hùng	06/06/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.85	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
91	1211020095	Phạm Văn Hữu	30/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
92	1211020106	Lê Bá Long	07/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.92	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
93	1211020108	Lê Văn Long	13/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.58	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
94	1211020119	Đoàn Thị Ngọc Mai	10/02/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.08	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất

95	1211020134	Phạm Thị Nhung	25/01/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.01	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
96	1211020144	Trần Hoàng Phương	30/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.03	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
97	1211020198	Mai Văn Tiến	01/08/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.16	TB Khá	CCDCDC57B	Địa chất
98	1211020174	Bùi Trung Thành	03/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.99	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
99	1111030101	Trần Việt Thành	01/08/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.7	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
100	1211020179	Trần Văn Thao	28/12/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.7	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
101	1211020185	Nguyễn Văn Thi	11/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.75	Trung bình	CCDCDC57B	Địa chất
102	1211020188	Trần Đức Thịnh	04/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.3	Khá	CCDCDC57B	Địa chất
103	1211020023	Vũ Thế Công	30/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.85	Trung bình	CCDCDC57C	Địa chất
104	1211020046	Nguyễn Tiến Đạt	18/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.16	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
105	1211020063	Phạm Thị Thu Hà	13/06/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.25	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
106	1211020088	Nguyễn Hữu Huynh	03/05/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.03	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
107	1211020255	Nguyễn Thị Thu Hương	19/02/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.65	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
108	1211020244	Phan Thị Hường	22/10/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.75	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
109	1211020099	Nguyễn Văn Khoa	25/03/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.83	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
110	1211020112	Đỗ Đình Luân	21/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.68	Trung bình	CCDCDC57C	Địa chất

16

111	1211020115	Nguyễn Quý	Lương	13/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.61	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
112	1211020124	Nguyễn Hữu	Nam	10/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.74	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
113	1211020133	Phạm Thị	Nhật	02/07/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.97	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
114	1211020202	Phạm Văn	Tinh	15/02/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.54	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
115	1211020232	Hoàng Thị	Tuyết	08/09/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.96	Khá	CCDCDC57C	Địa chất
116	1211020180	Hoàng Văn	Thảo	10/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.42	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
117	1211020248	Đồng Minh	Thắng	17/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.13	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
118	1211020193	Lê Thị	Thúy	21/11/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.25	TB Khá	CCDCDC57C	Địa chất
119	1214010006	Nguyễn Thị Hà	Anh	20/08/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.62	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
120	1214010008	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/02/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.97	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
121	1214010013	Trần Thị Kim	ánh	19/03/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.03	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
122	1211060020	Đào Thị Hương	Cần	10/08/1989	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.54	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
123	1214010022	Dương Thùy	Dung	24/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.43	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
124	1214010027	Đàm Thị	Duyến	19/01/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.94	Trung bình	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
125	1114010011	Nguyễn Tiến	Độ	23/08/1993	Nam	Kế toán	Kế toán	5.96	Trung bình	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
126	1214010028	Chu Thị	Được	09/05/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.53	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD

127	1214010036	Bùi Thị Thanh	Hải	18/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.96	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
128	1214010054	Vũ Thị	Hoa	23/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.67	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
129	1214010055	Nguyễn Thị	Hòa	28/05/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.57	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
130	1214010066	Phạm Thị	Huyền	12/03/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.99	Trung bình	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
131	1214010068	Nguyễn Thị	Hương	06/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.66	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
132	1214010070	Trương Thị	Hương	28/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.57	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
133	1214010077	Ngô Thị Bích	Lan	17/01/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.74	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
134	1214010091	Nguyễn Thị	Loan	17/02/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.25	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
135	1214010092	Nguyễn Thị	Loan	20/07/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.62	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
136	1211060093	Đoàn Thị	Lương	20/05/1992	Nữ	Kế toán	Kế toán	6	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
137	1214010097	Vũ Thị	Lý	10/03/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.57	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
138	1214010100	Vũ Thị Thanh	Mai	15/11/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.44	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
139	1214010104	Đặng Thị	Ngọc	07/07/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.59	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
140	1214010107	Lê Thị	Ngọc	25/09/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.72	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
141	1214010116	Đặng Thị	Phương	28/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.88	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
142	1214010129	Hoàng Thị	Quỳnh	08/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.51	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD

126

143	1214010132	Trần Thị Quỳnh	12/03/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.23	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
144	1214010163	Nguyễn Thị Tín	21/03/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.53	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
145	1214010181	Lê Thị Thu Tuyền	30/09/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.51	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
146	1214010182	Dương Thị Tuyết	06/02/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.71	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
147	1214010185	Trương Thị Tuyết	10/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.58	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
148	1214010186	Trương Thị ánh Tuyết	24/02/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.55	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
149	1214010138	Hoàng Thị Thanh Thảo	18/11/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.61	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
150	1214010144	Nguyễn Thị Thắm	17/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.09	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
151	1214010148	Nguyễn Thị Thùy	15/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.23	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
152	1214010157	Đinh Thị Thương	25/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.46	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
153	1214010159	Nguyễn Hoài Thương	22/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	8	Giỏi	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
154	1214010165	Bùi Thị Trang	19/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.08	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
155	1214010170	Hà Thị Thu Trang	27/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.76	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
156	1211020207	Lê Thị Quỳnh Trang	20/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.69	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
157	1211050130	Nguyễn Ngọc Thanh Trang	01/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.49	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
158	1214010176	Lê Thanh Trúc	02/09/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.41	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD

159	1214010188	Đinh Thị	Vân	01/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.99	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
160	1214010190	Trần Thùy	Vân	16/02/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.04	Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
161	1214010194	Đặng Thị Hải	Yến	08/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.36	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
162	1214010195	Hoàng Thị	Yến	22/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.31	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
163	1214010199	Tăng Hải	Yến	30/05/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.69	TB Khá	CCKTKT57A	Kinh tế và QTKD
164	1211040004	Nguyễn Tuấn	Anh	10/09/1993	Nam	Kế toán	Kế toán	6.1	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
165	1214010007	Nguyễn Thị Hải	Anh	18/01/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.22	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
166	1214010009	Phương Lan	Anh	08/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.37	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
167	1214010015	Nguyễn Thị	Châm	29/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.81	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
168	1214010017	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	18/08/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.46	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
169	1214010018	Vũ Thị	Dệt		Nữ	Kế toán	Kế toán	6.48	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
170	1214010019	Đỗ Thị	Diện	11/11/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	8.07	Giỏi	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
171	1214010038	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	15/05/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.64	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
172	1214010039	Lê Hồng	Hạnh	13/07/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.39	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
173	1211020073	Đỗ Hữu	Hiệp	13/10/1994	Nam	Kế toán	Kế toán	5.94	Trung bình	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
174	1214010052	Phạm Thị	Hoa	08/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.19	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD

175	1214010062	Bùi Thị	Huệ	22/10/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.23	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
176	1214010073	Vũ Thị	Hường	26/11/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.19	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
177	1214010090	Trình Thị Mỹ	Linh	01/07/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.33	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
178	1214010093	Nguyễn Thị	Loan	18/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.01	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
179	1214010099	Trương Thị	Mai	19/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.28	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
180	1214010108	Nguyễn Thị	Ngọc	05/05/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.97	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
181	1214010115	Nguyễn Thị	Oanh	03/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.18	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
182	1214010125	Hồ Thanh	Quang	24/11/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.39	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
183	1214010126	Nguyễn Thị	Quyên	01/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.2	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
184	1214010133	Nguyễn Thị	Suất	19/09/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.26	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
185	1214010178	Trần Thị Ngọc	Tú	08/06/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.75	Trung bình	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
186	1214010142	Đỗ Thị	Thắm	28/05/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.08	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
187	1214010150	Trần Thị	Thùy	28/04/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.43	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
188	1214010151	Đỗ Thị Minh	Thúy	26/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.59	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
189	1214010152	Nguyễn Thị	Thúy	16/02/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.73	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
190	1214010153	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	20/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.3	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD

191	1214010155	Trần Thị	Thúy	09/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.92	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
192	1214010156	Trần Thị Minh	Thúy	12/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.16	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
193	1214010158	Lại Thị	Thương	21/03/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.51	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
194	1214010160	Nguyễn Thị	Thương	09/05/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.44	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
195	1214010164	Nguyễn Thị	Trà	23/07/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.5	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
196	1214010166	Bùi Thị Quỳnh	Trang	10/10/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.06	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
197	1214010171	Lê Thị	Trang	10/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.36	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
198	1214010174	Vì Thị	Trang	05/12/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.93	Trung bình	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
199	1214010175	Nguyễn Thị	Trinh	06/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.57	TB Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
200	1214010191	Nguyễn Thị	Vui	15/10/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.53	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
201	1214010196	Lã Thị	Yến	28/11/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.14	Khá	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
202	1214010197	Mạc Thị	Yến	30/09/1994	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.97	Trung bình	CCKTKT57B	Kinh tế và QTKD
203	1111060149	Nguyễn Quốc	Toán	17/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.26	TB Khá	CCMOKT56B	Mỏ
204	1211040033	Nguyễn Thế	Cương	25/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.95	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
205	1211040034	Trần Văn	Cương	27/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.35	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
206	1211040037	Nông Mạnh	Cường	28/12/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.49	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ

118

207	1111040008	Nguyễn Văn Chiến	Chiến	26/07/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.09	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
208	1111040030	Nguyễn Quang Đại	Đại	18/03/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.98	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
209	1211040058	Vũ Đức Độ	Độ	10/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.95	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
210	1111040089	Vũ Văn Mạnh	Mạnh	10/03/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.93	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
211	1211040141	Nguyễn Văn Ngọc	Ngọc	24/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.16	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
212	1211040142	Hoàng Trung Nguyên	Nguyên	20/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.16	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
213	1111020116	Bùi Văn Phú	Phú	26/02/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.01	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
214	1211040187	Nguyễn Văn Tiếp	Tiếp	23/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.12	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
215	1211040214	Nguyễn Thanh Tùng	Tùng	17/03/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.41	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
216	1211040192	Trần Minh Trí	Trí	12/04/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.29	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
217	1211040194	Dương Quốc Trọng	Trọng	22/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.67	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
218	1211040223	Nguyễn Đức Văn	Văn	15/05/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.16	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
219	1211040225	Thái Văn Việt	Việt	25/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.15	TB Khá	CCMOKT57A	Mỏ
220	1111040160	Đỗ Văn Yết	Yết	07/02/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.84	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
221	1211040015	Nguyễn Văn Bảo	Bảo	20/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.31	TB Khá	CCMOKT57B	Mỏ
222	1211040057	Lê Xuân Độ	Độ	30/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.42	TB Khá	CCMOKT57B	Mỏ

11/

223	1211040066	Đỗ Xuân	Giáp	02/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.51	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
224	1211040068	Nguyễn Văn	Hà	20/03/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	5.95	Trung bình	CCMOKT57B	Mô
225	1211040075	Lê Văn	Hiền	06/07/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.9	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
226	1211040100	Triệu Văn	Huy	02/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.16	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
227	1211040112	Trần Sách	Khang	02/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.05	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
228	1211040118	Bùi Hải	Linh	15/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.95	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
229	1211040140	Lê Bảo	Ngọc	12/04/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.54	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
230	1211040215	Phạm Trọng	Tùng	09/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.57	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
231	1211020250	Bùi Văn	Trang	29/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.18	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
232	1211040203	Nguyễn Văn	Trương	22/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.25	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
233	1211040229	Nguyễn Thành	Vũ	11/01/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.8	TB Khá	CCMOKT57B	Mô
234	1211040006	Nguyễn Tùng	Anh	13/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.25	TB Khá	CCMOKT57C	Mô
235	1211040023	Nguyễn Minh	Chiến	22/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.51	TB Khá	CCMOKT57C	Mô
236	1211040027	Ngô Đình	Chính	16/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.82	TB Khá	CCMOKT57C	Mô
237	1211040046	Nguyễn Đăng	Dương	24/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	7.42	Khá	CCMOKT57C	Mô
238	1211040051	Nguyễn Văn	Đàng	10/02/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.27	TB Khá	CCMOKT57C	Mô

18/11

239	1211040079	Lê Minh	Hiếu	25/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.31	Trung bình	CCMOKT57C	Mỏ
240	1211040096	Nguyễn Đình	Huy	17/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.27	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
241	1211040103	Vũ Đình	Huy	23/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.18	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
242	1211040120	Nguyễn Văn	Linh	05/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.27	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
243	1211040123	Nguyễn Công	Long	09/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.59	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
244	1211040135	Nguyễn Tuấn	Nam	12/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.08	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
245	1211040137	Phạm Hữu	Nghị	07/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.14	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
246	1211040143	Nguyễn Văn	Nguyễn	15/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	7.4	Khá	CCMOKT57C	Mỏ
247	1211040157	Bùi Văn	Quỳnh	05/04/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.41	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
248	1211040158	Mã Văn	Quỳnh	12/01/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	5.94	Trung bình	CCMOKT57C	Mỏ
249	1211040161	Lê Tuấn	Sơn	21/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.16	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
250	1211040190	Nguyễn Danh	Toàn	30/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.32	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
251	1211040221	Nguyễn Văn	Tuyến	02/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.51	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
252	1211040180	Nguyễn Thị	Thúy	06/05/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.77	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
253	1211040181	Nguyễn Thị	Thúy	28/12/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.36	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ
254	1211040199	Bùi Văn	Trường	14/01/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	6.27	TB Khá	CCMOKT57C	Mỏ

255	1211040222	Nguyễn Văn	Ước	28/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.42	TB Khá	CCMOKT57C	Mô
256	1211040226	Hùn Vi	Vinh	28/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	6.4	TB Khá	CCMOKT57C	Mô
257	1211040233	Hoàng Văn	Xô	28/08/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác	7.04	Khá	CCMOKT57C	Mô
258	1111070081	Nguyễn Văn	Quang	18/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	5.91	Trung bình	CCMONM56A	Xây dựng
259	1211030001	Đặng Đức	Anh	22/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.57	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
260	1211030049	Nguyễn Ngọc	Hiển	03/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.28	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
261	1211030051	Phạm Văn	Hiếu	15/06/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.85	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
262	1211030058	Nguyễn Danh	Hoạt	16/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	5.91	Trung bình	CCTDDC57	Trắc địa
263	1211030061	Bùi Văn	Hùng	11/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.34	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
264	1211030062	Nguyễn Khánh	Hùng	09/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	7.88	Khá	CCTDDC57	Trắc địa
265	1211030074	Ngô Thùy	Hương	25/04/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	7.39	Khá	CCTDDC57	Trắc địa
266	1211030091	Phạm Thị Thanh	Loan	23/07/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.67	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
267	1211030104	Nguyễn Văn	Minh	31/12/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.62	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
268	1211030108	Nguyễn Thị	Nga	04/05/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.87	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
269	1211030112	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	07/04/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	7.08	Khá	CCTDDC57	Trắc địa
270	1211030113	Phạm ánh	Ngọc	10/10/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.9	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa

18

271	1211030119	Đoàn Trung	Pha	25/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.88	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
272	1211030123	Trần Xuân	Phong	03/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.31	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
273	1211030152	Đặng Xuân	Thắng	16/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	7.67	Khá	CCTDDC57	Trắc địa
274	1211030162	Lê Duy	Thuận	26/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.66	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
275	1211030166	Nguyễn Văn	Thứ	03/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.09	TB Khá	CCTDDC57	Trắc địa
276	1211030173	Lương Thị Thu	Trang	08/09/1993	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	7.33	Khá	CCTDDC57	Trắc địa
277	1011030134	Lại Văn	Việt	200592	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.76	Trung bình	CCTDTD56A	Trắc địa
278	1111030121	Nông Văn	Tuân	080392	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.94	Trung bình	CCTDTD56B	Trắc địa
279	1211030006	Nguyễn Đình	Anh	21/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.53	TB Khá	CCTDTD57A	Trắc địa
280	1211030013	Phạm Thị Vân	Anh	04/11/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.86	TB Khá	CCTDTD57A	Trắc địa
281	1211030056	Mai Văn	Hòa	28/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.7	TB Khá	CCTDTD57A	Trắc địa
282	1211030057	Trần Minh	Hoàng	20/04/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.89	Trung bình	CCTDTD57A	Trắc địa
283	1211030072	Ngô Văn	Hưng	09/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.46	TB Khá	CCTDTD57A	Trắc địa
284	1211030073	Phạm Quốc	Hưng	20/07/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.05	TB Khá	CCTDTD57A	Trắc địa
285	1211030194	Ngô Thị	Vân	16/12/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	8.09	Giỏi	CCTDTD57A	Trắc địa
286	1111030133	Trương Quốc	Vương	14/01/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.95	Trung bình	CCTDTD57A	Trắc địa

108

287	1211030002	Đặng Thị Hoàng	Anh	21/10/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.71	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
288	1211030003	Đoàn Phương	Anh	24/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.13	Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
289	1211030024	Bùi Thị	Dịu	11/05/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.15	Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
290	1211030040	Hoàng Văn	Giáp	13/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.83	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
291	1121030058	Nguyễn Lương Mạnh	Hà	09/08/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.92	Trung bình	CCTDTD57B	Trắc địa
292	1211030046	Nguyễn	Hào	06/03/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.21	Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
293	1211030054	Nguyễn Thị	Hoa	09/06/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.43	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
294	1211030060	Nguyễn Thị	Hồng	06/03/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.09	Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
295	1211030064	Trần Văn	Hùng	28/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.16	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
296	1211030075	Phùng Thị	Hương	26/08/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.83	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
297	1211030077	Phạm Thị	Hường	01/10/1992	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.37	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
298	1211020121	Nghiêm Đức	Mạnh	17/12/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.16	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
299	1211030105	Nguyễn Thị	Mỹ	25/01/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.35	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
300	1211030106	Trần Văn	Nam	09/10/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	8.18	Giỏi	CCTDTD57B	Trắc địa
301	1211030109	Đặng Nguyễn Quang	Ngọc	26/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.63	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa
302	1211030129	Trần Đức	Quốc	05/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.26	TB Khá	CCTDTD57B	Trắc địa

288

303	1211030145	Trương Ngọc Tân	Tân	24/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.89	Trung bình	CCTD57B	Trắc địa
304	1211030185	Nghiêm Danh Tùng	Tùng	09/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.93	Trung bình	CCTD57B	Trắc địa
305	1211020252	Trần Hữu Từ	Từ	16/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.91	Trung bình	CCTD57B	Trắc địa
306	1211030148	Vũ Đình Thái	Thái	05/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.08	TB Khá	CCTD57B	Trắc địa
307	1211030178	Nguyễn Văn Trung	Trung	22/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.65	TB Khá	CCTD57B	Trắc địa
308	1211070003	Nguyễn Tuấn Anh	Anh	06/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.04	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
309	1211070008	Nguyễn Văn Cảnh	Cảnh	05/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.44	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
310	1211070015	Trần Phú Duệ	Duệ	22/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	5.95	Trung bình	CCXDXD57A	Xây dựng
311	1211070021	Phạm Thanh Duy	Duy	26/07/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.12	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
312	1211070028	Nguyễn Văn Đạt	Đạt	15/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.12	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
313	1211070061	Bạch Long	Long	01/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.04	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
314	1211070073	Nguyễn Thành Nam	Nam	21/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.14	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
315	1211070075	Bùi Văn Nghĩa	Nghĩa	28/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.36	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
316	1211070090	Đinh Minh Tâm	Tâm	08/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
317	1211070123	Lê Văn Tú	Tú	26/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.27	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
318	1211070146	Lê Huy Tùng	Tùng	20/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.33	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng

1/10/2024

319	1211070134	Vũ Văn	Tuyên	05/02/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	5.99	Trung bình	CCXDXD57A	Xây dựng
320	1211070097	Đoàn Văn	Thắng	08/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.46	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
321	1211070100	Nguyễn Văn	Thắng	14/05/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.21	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
322	1211070103	Lê Đức	Thiện	13/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.09	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
323	1111070136	Hoàng	Vũ	02/09/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.24	TB Khá	CCXDXD57A	Xây dựng
324	1211070143	Dương Quốc	Vương	29/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	5.93	Trung bình	CCXDXD57A	Xây dựng
325	1111070002	Bùi Tuấn	Anh	08/07/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.08	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
326	1211070001	Đỗ Ngọc	Anh	07/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.24	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
327	1211070004	Trần Công	Anh	05/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.21	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
328	1211070017	Phạm Tiến	Dũng	22/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	5.89	Trung bình	CCXDXD57B	Xây dựng
329	1211070039	Trần Văn	Hiển	14/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	5.92	Trung bình	CCXDXD57B	Xây dựng
330	1211070052	Nguyễn Huy	Hùng	06/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.28	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
331	1211070071	Nguyễn Khắc	Minh	10/06/1983	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	7.37	Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
332	1211070078	Nguyễn Duy	Phong	10/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.06	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
333	1211070132	Nguyễn Thanh	Tùng	28/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.55	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng
334	1211070133	Phan Thanh	Tùng	16/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	6.15	TB Khá	CCXDXD57B	Xây dựng

Số: 1725/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 2/tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét kết quả học tập của sinh viên Đại học khóa 54, khóa 55 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 250 sinh viên đại học khóa 54, khóa 55 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa vật lý, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Điện, điện tử, Kỹ thuật điều khiển, tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC TÍN CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2015 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-MĐC ngày 21 tháng 12 năm 2015)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Lớp	Khoa
1	1021060012	Phạm Hoàng	Án	11/2/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.25	Trung bình	DCCDDK55	Cơ điện
2	1021060023	Lê Thế	Cương	23/05/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.32	Trung bình	DCCDDK55	Cơ điện
3	1021060101	Nguyễn Văn	Phong	28/12/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.15	Trung bình	DCCDDK55	Cơ điện
4	1021060102	Cao Xuân	Phú	8/10/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.51	Khá	DCCDDK55	Cơ điện
5	1021060130	Nguyễn Thị	Thúy	10/12/1992	Nữ	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.52	Khá	DCCDDK55	Cơ điện
6	1021060138	Tạ Văn	Triển	20/11/1991	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.26	Trung bình	DCCDDK55	Cơ điện
7	1021060156	Hà Văn	Tuyền	15/10/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.54	Khá	DCCDDK55	Cơ điện
8	1021060159	Lương Đức	Vinh	20/10/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	2.15	Trung bình	DCCDDK55	Cơ điện
9	1021060216	Nguyễn Trọng	Đoán	2/6/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện -Điện tử	2.32	Trung bình	DCCDDT55	Cơ điện
10	1021060031	Vũ Anh	Dũng	22/12/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện -Điện tử	2.52	Khá	DCCDDT55	Cơ điện
11	1021060087	Phạm Thương	Mại	4/8/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện -Điện tử	2.67	Khá	DCCDDT55	Cơ điện
12	1021060099	Đỗ Văn	Nguyễn	12/8/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện -Điện tử	2.33	Trung bình	DCCDDT55	Cơ điện
13	1021060230	Phạm Gia	Tuyền	2/1/1992	Nam	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện -Điện tử	2.20	Trung bình	DCCDDT55	Cơ điện
14	0921060008	Nguyễn Văn	Cầu	22/06/1991	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.27	Trung bình	DCCDMT54	Cơ điện
15	1021060002	Đào Tuấn	Anh	13/06/1989	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.11	Trung bình	DCCDMT55	Cơ điện
16	1021060017	Ngô Văn	Bình	4/9/1992	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.20	Trung bình	DCCDMT55	Cơ điện
17	1021060028	Nguyễn Huy	Du	16/11/1991	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.26	Trung bình	DCCDMT55	Cơ điện

18	1021060059	Mai Văn	Hòa	28/03/1992	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.22	Trung bình	DCCDMT55	Cơ điện
19	1021060228	Bùi Văn	Thánh	23/01/1991	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.29	Trung bình	DCCDMT55	Cơ điện
20	1021060143	Dương Đăng	Trường	6/2/1991	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.18	Trung bình	DCCDMT55	Cơ điện
21	1021060036	Đình Xuân	Đại	23/06/1992	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	2.13	Trung bình	DCCDTD55	Cơ điện
22	1021060098	Lê Quý	Ngọc	18/02/1991	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	2.09	Trung bình	DCCDTD55	Cơ điện
23	1021060114	Trần Văn	Quỳnh	30/08/1991	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	2.34	Trung bình	DCCDTD55	Cơ điện
24	1021050300	Vũ Đức	Thịnh	1/4/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.54	Khá	DCCTKT55	Công nghệ thông tin
25	1021050326	Bùi Đức	Toán	18/08/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.64	Khá	DCCTKT55	Công nghệ thông tin
26	0921050036	Dương Văn	Lộc	21/12/1989	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.14	Trung bình	DCCTMM54	Công nghệ thông tin
27	1021050002	Lê Hải	Anh	16/11/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.67	Khá	DCCTMM55	Công nghệ thông tin
28	1021050022	Nguyễn Văn	Đạt	20/10/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.17	Trung bình	DCCTMM55	Công nghệ thông tin
29	1021050105	Nguyễn Văn	Thực	25/09/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.57	Khá	DCCTMM55	Công nghệ thông tin
30	1021050126	Phan Mạnh	Tường	12/10/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.44	Trung bình	DCCTMM55	Công nghệ thông tin
31	1021050021	Trần Ba	Duy	2/9/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.82	Khá	DCCTMO55	Công nghệ thông tin
32	1021050088	Vũ Thế	Tài	31/08/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.58	Khá	DCCTMO55	Công nghệ thông tin
33	0921050066	Nguyễn Thành	Thịnh	13/02/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.27	Trung bình	DCCTMO54	Công nghệ thông tin
34	1021050296	Nguyễn Trung	Hiếu	14/04/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.46	Trung bình	DCCTPM55	Công nghệ thông tin
35	0921020409	Nguyễn Tiến	Đạt	29/10/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.23	Trung bình	DCDKDC54	Dầu khí
36	0921020207	Phù Quốc	Đạt	25/04/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.15	Trung bình	DCDKDC54	Dầu khí
37	1024010253	Nguyễn Thị	Nhung	3/7/1992	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.54	Khá	DCDKDC55	Dầu khí

38	1021050261	Lê Tuấn	Vinh	28/03/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.63	Khá	DCDKDC55	Dầu khí
39	1021010413	Nguyễn Ngọc	Vinh	10/8/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.73	Khá	DCDKDC55	Dầu khí
40	0921010244	Chu Hoàng	Dương	22/09/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.34	Trung bình	DCDKDV54	Dầu khí
41	1021010026	Lê Văn	Bình	15/02/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.66	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
42	1021020070	Đinh Trọng	Đức	27/11/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.56	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
43	1021040585	Nguyễn Thị	Ngân	4/9/1992	Nữ	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.91	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
44	1021010127	Hoàng Thị	Hằng	21/02/1992	Nữ	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.93	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
45	1021010283	Nguyễn Văn	Quý	2/2/1992	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.57	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
46	1021010321	Tạ Thu	Thảo	30/12/1992	Nữ	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.77	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
47	1021010392	Lê Văn	Tuấn	10/10/1992	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.51	Khá	DCDKDV55	Dầu khí
48	1021010016	Nguyễn Tuấn	Anh	22/10/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.58	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
49	1021030403	Nguyễn Trung	Diệu	10/1/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.73	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
50	1021011021	Nguyễn Ngọc	Khanh	17/09/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.21	Trung bình	DCDKKK55	Dầu khí
51	1021010204	Nguyễn Quang	Long	19/05/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.66	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
52	1021020158	Nguyễn Thế	Lùng	20/06/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.57	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
53	1021010171	Phạm Quang	Hung	3/6/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.03	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
54	1021010338	Trần Đức	Thiện	1/11/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.07	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
55	1021010354	Nguyễn Công	Tiến	23/07/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.86	Khá	DCDKKK55	Dầu khí
56	1021011133	Lê Xuân	Quang	6/11/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.58	Khá	DCDKKK55VT	Dầu khí
57	1021011142	Nguyễn Văn	Tiến	29/05/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.92	Khá	DCDKKK55VT	Dầu khí

58	1021011166	Trần Tuấn	Tuấn	02/09/1990	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.86	Khá	DCDKKKT55VT	Dầu khí
59	1021010151	Đỗ Như Hùng	Hùng	20/12/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.50	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
60	1021010157	Nguyễn Văn Hùng	Hùng	3/5/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.57	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
61	1021010177	Nguyễn Văn Kha	Kha	16/01/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.52	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
62	1021010227	Bùi Thành Nam	Nam	27/03/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.25	Trung bình	DCDKKKT55	Dầu khí
63	1021010323	Đặng Văn Thắng	Thắng	22/07/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.71	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
64	1021010310	Mai Văn Thành	Thành	15/05/1991	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.69	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
65	1021010339	Trần Văn Thiện	Thiện	4/8/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.49	Trung bình	DCDKKKT55	Dầu khí
66	1021010361	Mai Sỹ Toàn	Toàn	1/8/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.66	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
67	1021010371	Trần Đăng Thành Trung	Trung	12/2/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.58	Khá	DCDKKKT55	Dầu khí
68	1121010056	Nguyễn Văn Dũng	Dũng	8/5/1993	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	3.26	Giỏi	DCDKKKT56	Dầu khí
69	1021011112	Phạm Thị Hương Giang	Giang	25/04/1992	Nữ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.99	Khá	DCDKLD55A	Dầu khí
70	1021010405	Nguyễn Văn Tùng	Tùng	21/10/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.71	Khá	DCDKLD55A	Dầu khí
71	1021040552	Nguyễn Văn Hoàng	Hoàng	13/11/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.17	Trung bình	DCDKLD55B	Dầu khí
72	1021010156	Nguyễn Văn Hùng	Hùng	2/10/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.53	Khá	DCDKLD55B	Dầu khí
73	1021010183	Nguyễn Văn Khiêm	Khiêm	1/3/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.58	Khá	DCDKLD55B	Dầu khí
74	1021010266	Vũ Xuân Phúc	Phúc	1/1/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.69	Khá	DCDKLD55B	Dầu khí
75	1021010115	Nguyễn Thị Thu Hà	Hà	1/10/1992	Nữ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.99	Khá	DCDKLD55B	Dầu khí
76	0964040002	Lê Tuấn Anh	Anh	16/02/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.33	Trung bình	DCDKLD54BTH	Dầu khí
77	0964040073	Lê Đình An	An	5/1/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.40	Trung bình	DCDKLD54BTH	Dầu khí

78	0964040009	Ngô Trần	Chinh	12/6/1990	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.32	Trung bình	DCDKLD54BTH	Dầu khí
79	0964040108	Trần Văn	Minh	13/12/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.32	Trung bình	DCDKLD54BTH	Dầu khí
80	0964040136	Lê Thanh	Tùng	19/11/1988	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.42	Trung bình	DCDKLD54BTH	Dầu khí
81	0964040080	Đỗ Văn	Bình	5/9/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.18	Trung bình	DCDKLD54BTH	Dầu khí
82	1021011101	Bùi Lan	Anh	8/1/1992	Nữ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.78	Khá	DCDKLD55VT	Dầu khí
83	1021011045	Lê Văn	Trác	19/03/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.67	Khá	DCDKLD55VT	Dầu khí
84	1021010037	Chu Văn	Chiến	10/6/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.55	Khá	DCDKTB55	Dầu khí
85	1021010178	Phạm Văn	Kha	16/05/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.30	Trung bình	DCDKTB55	Dầu khí
86	1021010194	Phạm Công	Lâm	10/2/1990	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.49	Trung bình	DCDKTB55	Dầu khí
87	1021010305	Nguyễn Văn	Thanh	9/9/1991	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.65	Khá	DCDKTB55	Dầu khí
88	1021060213	Bùi Anh	Tuấn	20/03/1992	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.52	Khá	DCDKTB55	Dầu khí
89	0921020200	Nguyễn Văn	Dũng	3/12/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.08	Trung bình	DCDCCT54A	Địa chất
90	1021020439	Lò Văn	Là	20/07/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.21	Trung bình	DCDCCT55A	Địa chất
91	1021020188	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/07/1992	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.92	Khá	DCDCCT55A	Địa chất
92	1021020227	Nguyễn Văn	Tài	4/12/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.17	Trung bình	DCDCCT55A	Địa chất
93	1021020311	Nguyễn Hoàng	Vũ	15/02/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.17	Trung bình	DCDCCT55A	Địa chất
94	1021020072	Lê Văn	Đức	8/8/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.46	Trung bình	DCDCCT55B	Địa chất
95	1021020101	Trần Trung	Hậu	5/2/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.74	Khá	DCDCCT55B	Địa chất
96	1021020143	Vũ Duy	Khiêm	17/12/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.17	Trung bình	DCDCCT55B	Địa chất
97	1021030150	Bùi Nhật	Son	1/8/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Công trình - Địa Kỹ thuật	2.16	Trung bình	DCDCCT55B	Địa chất

10/2

98	0921020083	Lê Nguyễn Tùng	Lâm	17/06/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.24	Trung bình	DCDCDC_54A	Địa chất
99	0921020006	Phạm Quang	Anh	6/8/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.13	Trung bình	DCDCDC_54B	Địa chất
100	0921020438	Nguyễn Khắc	Kiên	4/4/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.16	Trung bình	DCDCDC_54B	Địa chất
101	1021020133	Nguyễn Thị Mai	Hương	30/11/1991	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.66	Khá	DCDCDC_55A	Địa chất
102	1021020139	Đỗ Minh	Khánh	23/11/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.57	Khá	DCDCDC_55A	Địa chất
103	1021020164	Phạm Đức	Mạnh	3/11/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.65	Khá	DCDCDC_55A	Địa chất
104	1021020175	Vũ Văn	Nam	12/1/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.61	Khá	DCDCDC_55A	Địa chất
105	1021020524	Trần Đức	Nghĩa	16/08/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.33	Trung bình	DCDCDC_55A	Địa chất
106	1021020294	Đàm Văn	Tùng	19/09/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.61	Khá	DCDCDC_55A	Địa chất
107	1021020081	Nguyễn Thị	Giang	26/10/1991	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.62	Khá	DCDCDC_55B	Địa chất
108	1021020168	Vũ Huy	Minh	19/07/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.71	Khá	DCDCDC_55B	Địa chất
109	1021020254	Mai Quang	Thuấn	8/7/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.55	Khá	DCDCDC_55B	Địa chất
110	1021020226	Nguyễn Viết	Son	22/04/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.46	Trung bình	DCDCNK55	Địa chất
111	1021020270	Lê Văn	Toán	3/6/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.87	Khá	DCDCNK55	Địa chất
112	1021020295	Đặng Thanh	Tùng	30/04/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.14	Trung bình	DCDCNK55	Địa chất
113	1021020464	Nguyễn Đắc	Cường	25/06/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	2.55	Khá	DCDCTV55	Địa chất
114	0921020031	Chu Tuấn	Dương	22/09/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	2.50	Khá	DCDCTV54	Địa chất
115	1021020134	Phạm Thị	Hương	27/09/1991	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	2.83	Khá	DCDCTV55	Địa chất
116	1021020235	Mai Công	Thanh	3/11/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	2.40	Trung bình	DCDCTV55	Địa chất
117	1021020250	Phạm Quốc	Thịnh	1/9/1992	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	2.29	Trung bình	DCDCTV55	Địa chất

118

118	1121020300	Võ Văn	Khánh	22/11/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	2.70	Khá	DCDCTV56B	Địa chất
119	1024010335	Đinh Thị	Thùy	5/2/1991	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.80	Khá	DCKTKD55A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
120	1124010087	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/02/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.80	Khá	DCKTKD56A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
121	1124010269	Trần Thị	Phương	3/3/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.96	Khá	DCKTKD56A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
122	1124010002	Nguyễn Công	An	16/06/1992	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.45	Trung bình	DCKTKD56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
123	1124010205	Đoàn Văn	Mạnh	15/07/1993	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.52	Khá	DCKTKD56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
124	1124010123	Bùi Thị	Huyền	2/9/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.78	Khá	DCKTKD56C	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
125	1124010298	Tô Thị Thanh	Tâm	13/05/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.68	Khá	DCKTKD56C	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
126	1124010013	Lê Thị Ngọc	Anh	18/11/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.59	Khá	DCKTKD56D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
127	1124010058	Nguyễn Thị Trà	Giang	13/12/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.55	Khá	DCKTKD56D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
128	1124010145	Trần Thị Thanh	Hương	2/11/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.67	Khá	DCKTKD56D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
129	1124010341	Kiều Thị Thu	Thùy	16/06/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.01	Khá	DCKTKD56D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
130	1124010431	Nguyễn Ngọc	Anh	7/10/1993	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.56	Khá	DCKTKD56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
131	1124010324	Doãn Quang	Thịnh	20/02/1991	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.46	Trung bình	DCKTKD56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
132	1121050137	Ngô Thành	Thái	7/10/1993	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.12	Trung bình	DCKTKD56D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
133	0921010375	Phạm Thị Thu	Trang	04/07/1991	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	3.27	Giỏi	DCKTKD55A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
134	1024010100	Phạm Quang	Hậu	3/12/1992	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.65	Khá	DCKTKD55B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
135	1124010376	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/10/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.46	Trung bình	DCKTKD56D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
136	1124010090	Phạm Thị	Hiền	7/4/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.23	Khá	DCKTKT_56A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
137	1124010417	Nguyễn Thị Hai	Yến	3/7/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.16	Khá	DCKTKT_56A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh

138	1124010185	Trần Thị	Linh	8/1/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.94	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
139	1124010208	Bùi Thị	Mến	1/11/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.84	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
140	1124010410	Đào Thị Thanh	Xuân	3/8/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.69	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
141	0921060103	Nguyễn Thị	Huyền	2/10/1991	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.95	Khá	DCKTKT_55A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
142	1021050257	Nguyễn Xuân	Trưởng	2/1/1992	Nam	Kế toán	Kế toán	2.57	Khá	DCKTKT_55A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
143	1024010639	Lê Huy	Long	15/06/1992	Nam	Kế toán	Kế toán	2.16	Trung bình	DCKTKT_55B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
144	1024010602	Vũ Hải	Tuyền	17/10/1992	Nam	Kế toán	Kế toán	2.57	Khá	DCKTKT_55B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
145	1024010299	Nguyễn Việt	Thành	19/09/1992	Nam	Kế toán	Kế toán	2.27	Trung bình	DCKTKT_55D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
146	1021020531	Ngô Anh	Dũng	10/09/1992	Nam	Kế toán	Kế toán	2.69	Khá	DCKTKT_55D	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
147	1124010443	Đỗ Thị	Loan	30/04/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.60	Khá	DCKTKT_56A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
148	1124010037	Nguyễn Thị Thùy	Dung	18/05/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.71	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
149	1124010078	Lê Thị	Hằng	6/4/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.20	Giỏi	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
150	1124010096	Đinh Thị	Hoa	23/09/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
151	1121050075	Lưu Thị Lan	Phương	27/03/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.57	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
152	1124010365	Hoàng Thị Thùy	Trang	26/06/1993	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.83	Khá	DCKTKT_56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
153	0921040166	Đinh Công	Chiêm	30/06/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.18	Trung bình	DCMOKT54B	Mỏ
154	0921040048	Vũ Tuyên	Hoàng	7/9/1989	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.16	Trung bình	DCMOKT54B	Mỏ
155	0921040115	Trần Văn	Thùy	4/10/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.69	Khá	DCMOKT54B	Mỏ
156	0921040396	Đinh Văn	Tùng	2/11/1990	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.35	Trung bình	DCMOKT54C	Mỏ
157	1021040040	Hoàng Mạnh	Cường	8/2/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.49	Trung bình	DCMOKT55A	Mỏ

118

158	1021050098	Nguyễn Mạnh	Thắng	28/03/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.33	Trung bình	DCMOKT55A	Mỏ
159	1021040038	Phùng Văn	Công	22/01/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.52	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
160	1021041008	Phạm Đăng	Cường	7/6/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.40	Trung bình	DCMOKT55B	Mỏ
161	1021040592	Nguyễn Trung	Như	6/4/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.52	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
162	1021040242	Vũ Văn	Sỹ	10/10/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.53	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
163	1021040277	Nguyễn Việt	Thắng	12/4/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.52	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
164	1021040263	Lê Văn	Thành	25/12/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.24	Trung bình	DCMOKT55B	Mỏ
165	1021040020	Bùi Đắc	Bình	27/04/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.30	Trung bình	DCMOKT55C	Mỏ
166	1021040125	Trần Việt	Hùng	24/03/92	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.42	Trung bình	DCMOKT55C	Mỏ
167	1021040601	Hoàng Đức	Doãn	8/9/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.51	Khá	DCMOKT55D	Mỏ
168	1021040467	Đặng Hữu	Thành	24/10/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.20	Trung bình	DCMOKT55D	Mỏ
169	1021040320	Nguyễn Văn	Trọng	7/7/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.69	Khá	DCMOKT55D	Mỏ
170	1021060242	Trần Thế	Anh	1/1/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.28	Trung bình	DCMOKT55QN	Mỏ
171	1021041016	Vũ Quang	Hạnh	12/5/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.49	Trung bình	DCMOKT55QN	Mỏ
172	1021041047	Chu Văn	Tỉnh	18/10/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.64	Khá	DCMOKT55QN	Mỏ
173	1021041049	Nguyễn Văn	Trường	5/1/1992	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.28	Trung bình	DCMOKT55QN	Mỏ
174	1121040232	Đặng Minh	Tân	28/06/1993	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ hầm lò	2.63	Khá	DCMOKT56C	Mỏ
175	0921030029	Trần Thành	Đạt	3/4/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ	2.38	Trung bình	DCMOKT54A	Mỏ
176	0921020015	Tương Duy	Chiến	12/5/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ	2.14	Trung bình	DCMOKT54A	Mỏ
177	0921020027	Dương Vũ	Dũng	15/02/1991	Nam	Kỹ thuật Mò	Khai thác mỏ	2.36	Trung bình	DCMOKT54A	Mỏ

178

178	0921040187	Nông Quang	Đạo	14/11/1990	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.37	Trung bình	DCMOKT54A	Mỏ
179	0921040043	Đào Trọng	Hiếu	20/05/1991	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.19	Trung bình	DCMOKT54A	Mỏ
180	1021041026	Nguyễn Văn	Kiên	28/02/1992	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.17	Trung bình	DCMOKT55A	Mỏ
181	1021020024	Nguyễn Huy	Cánh	1/2/1992	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.64	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
182	1021040261	Dương Công	Thành	20/01/1992	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.62	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
183	1021040427	Ngô Thanh	Tùng	23/05/1989	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.69	Khá	DCMOKT55B	Mỏ
184	1021040138	Vũ Hồng	Khanh	7/10/1992	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.42	Trung bình	DCMOKT55C	Mỏ
185	1021040148	Nguyễn Văn	Lâm	24/04/1992	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.55	Khá	DCMOKT55C	Mỏ
186	1021040307	Phạm Văn	Tiến	18/06/1992	Nam	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.06	Trung bình	DCMOKT55D	Mỏ
187	1021040053	Đặng Thị	Dung	27/12/1992	Nữ	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.86	Khá	DCMOTK55	Mỏ
188	1021040085	Phạm Văn	Đương	16/02/1992	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.35	Trung bình	DCMOTK55	Mỏ
189	1021040574	Lê Văn	Nam	5/7/1991	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.15	Trung bình	DCMOTK55	Mỏ
190	1021050064	Nguyễn Quý	Nam	18/09/1992	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.57	Khá	DCMOTK55	Mỏ
191	1021040700	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/09/1992	Nữ	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.50	Khá	DCMOTK55	Mỏ
192	1021040211	Nguyễn Thị	Phượng	6/12/1992	Nữ	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.85	Khá	DCMOTK55	Mỏ
193	1021040559	Vũ Mạnh	Việt	8/9/1992	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.58	Khá	DCMOTK55	Mỏ
194	0921040196	Nguyễn Xuân	Hiệp	15/03/1991	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.57	Khá	DCMOTK54	Mỏ
195	0921040238	Phạm Tùng	Ninh	24/07/1991	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.10	Trung bình	DCMOTK54	Mỏ
196	0751040113	Vũ Văn	Thái	2/11/1989	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.43	Trung bình	DCMOTK54	Mỏ
197	0921040291	Nguyễn Thế	Vinh	13/08/1991	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.34	Trung bình	DCMOTK54	Mỏ

178

198	1021040104	Phạm Thị	Hiếu	14/03/1992	Nữ	Kỹ thuật Tuyển khoảng	Tuyển khoảng	2.85	Khá	DCMOTK55	Mô
199	1021040149	Vũ Thị	Lan	8/7/1991	Nữ	Kỹ thuật Tuyển khoảng	Tuyển khoảng	2.88	Khá	DCMOTK55	Mô
200	1021040266	Phạm Tất	Thành	20/08/1992	Nam	Kỹ thuật Tuyển khoảng	Tuyển khoảng	2.24	Trung bình	DCMOTK55	Mô
201	1021020039	Đoàn Công	Danh	9/9/1991	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	2.51	Khá	DCDCDS55	Môi trường
202	1021020123	Lê Văn	Huy	14/08/1992	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	2.79	Khá	DCDCDS55	Môi trường
203	0921030227	Phạm Duy	Quang	6/1/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin	2.55	Khá	DCTDGI54	Trắc địa
204	1021030139	Trần Văn	Quang	10/10/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin	2.61	Khá	DCTDGI55	Trắc địa
205	1021030225	Ngô Trọng	Tuấn	10/2/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin	2.40	Trung bình	DCTDGI55	Trắc địa
206	0921030001	Lưu Vũ	An	11/5/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.46	Trung bình	DCTDBD54	Trắc địa
207	1021030462	Nguyễn Minh	Phương	20/07/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.89	Khá	DCTDBD55	Trắc địa
208	1021030181	Nguyễn Văn	Thắng	9/3/1987	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.56	Khá	DCTDBD55	Trắc địa
209	1021030186	Đặng Xuân	Thiên	5/1/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.28	Trung bình	DCTDBD55	Trắc địa
210	1021030191	Nguyễn Cảnh	Thông	25/03/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.81	Khá	DCTDBD55	Trắc địa
211	0921030393	Nguyễn Văn	Tùng	23/09/1990	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.11	Trung bình	DCTDTD_54A	Trắc địa
212	0921030384	Vũ Mạnh	Linh	5/8/1990	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.38	Trung bình	DCTDTD_54C	Trắc địa
213	1021030051	Tạ Văn	Giang	5/7/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.63	Khá	DCTDTD_55A	Trắc địa
214	1021030084	Lưu Thị Thu	Hường	24/09/1992	Nữ	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.16	Khá	DCTDTD_55A	Trắc địa
215	1021030100	Tạ Tiến	Linh	7/11/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.56	Khá	DCTDTD_55A	Trắc địa
216	1021030540	Đỗ Trường	Sinh	6/9/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.66	Khá	DCTDTD_55A	Trắc địa
217	1021030212	Chu Mạnh	Trung	26/12/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.64	Khá	DCTDTD_55A	Trắc địa

218

218	1021030557	Trần Xuân	Cường	10/10/1985	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.96	Khá	DCTDTD_55B	Trắc địa
219	1021030424	Trần Văn	Nam	5/3/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.75	Khá	DCTDTD_55B	Trắc địa
220	1021030154	Trần Văn	Son	10/12/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.35	Trung bình	DCTDTD_55B	Trắc địa
221	1021030196	Nguyễn Viết	Tiến	6/7/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.42	Trung bình	DCTDTD_55B	Trắc địa
222	1021030045	Nguyễn Lập	Đức	31/10/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.61	Khá	DCTDTD_55C	Trắc địa
223	1021030211	Nguyễn Đức	Trọng	1/6/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.61	Khá	DCTDTD_55C	Trắc địa
224	1021030422	Hoàng Đình	Minh	4/10/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.59	Khá	DCTDTD_55A	Trắc địa
225	1021030259	Nguyễn Thị	Yến	17/05/1992	Nữ	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.34	Giỏi	DCTDTD_55B	Trắc địa
226	1021030057	Trần Thị	Hiên	21/09/1992	Nữ	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.77	Khá	DCTDTD_55C	Trắc địa
227	1021030184	Hà Huy	Thấu	10/9/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.74	Khá	DCTDDC55	Trắc địa
228	1331030308	Nguyễn Mạnh	Linh	16/07/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.75	Khá	LCTDDC58	Trắc địa
229	1331030316	Nguyễn Thị	Thoa	26/12/1992	Nữ	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.21	Giỏi	LCTDDC58	Trắc địa
230	1331030309	Lê Họa	Mi	3/2/1991	Nữ	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.00	Khá	LCTDDC58	Trắc địa
231	1331030318	Tăng Khắc	Thuận	10/5/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.58	Khá	LCTDDC58	Trắc địa
232	1021030450	Nguyễn Thế	Thảo	07/07/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.64	Khá	DCTDTD55B	Trắc địa
233	1021030013	Nguyễn Nam	Bình	26/10/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	2.41	Trung bình	DCTDTM55	Trắc địa
234	1021030115	Đặng Văn	Nam	7/4/1991	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	2.54	Khá	DCTDTM55	Trắc địa
235	1021030541	Đỗ Văn	Nam	4/4/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	2.75	Khá	DCTDTM55	Trắc địa
236	1021030162	Nguyễn Ngọc	Thạch	12/2/1990	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	2.64	Khá	DCTDTM55	Trắc địa
237	1021030257	Trần Trọng	Xuân	27/01/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	2.67	Khá	DCTDTM55	Trắc địa

10/2/2023

238	1021030078	Trần Việt	Hùng	01/12/1992	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa Mỏ-Công trình	2.30	Trung bình	DCTDTM55	Trắc địa
239	1021040079	Nguyễn Văn	Đức	27/02/1990	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.28	Trung bình	DCMONM55A	Xây dựng
240	1021040168	Phan Công	Lý	20/05/1990	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.55	Khá	DCMONM55A	Xây dựng
241	1021040173	Vũ Đức	Mạnh	2/10/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.44	Trung bình	DCMONM55A	Xây dựng
242	1021040316	Lương Công	Tráng	21/07/1991	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.88	Khá	DCMONM55A	Xây dựng
243	1021040319	Nguyễn Duy	Trình	3/9/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.40	Trung bình	DCMONM55A	Xây dựng
244	1021040347	Tổng Phú	Tuấn	12/10/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.58	Khá	DCMONM55A	Xây dựng
245	1021040046	Trần Hùng	Cường	22/10/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.27	Trung bình	DCMONM55B	Xây dựng
246	1021040491	Đặng Văn	Khương	3/3/1991	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.84	Khá	DCMONM55B	Xây dựng
247	1021040213	Nguyễn Minh	Quang	19/09/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.11	Trung bình	DCMONM55B	Xây dựng
248	1021040317	Trịnh Quang	Trám	2/6/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.58	Khá	DCMONM55B	Xây dựng
249	1021040577	Phạm Đức	Anh	20/10/1992	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.24	Trung bình	DCMOXN55	Xây dựng
250	1021040283	Trần Văn	Thiêm	14/12/1991	Nam	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.79	Khá	DCMOXN55	Xây dựng

252

Số 853 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 52, khóa 53, cao đẳng khóa 55, khóa 56, khóa 57 và liên thông khóa 6 hệ chính quy lưu lại;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 48 sinh viên các ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật trắc địa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Mỏ và Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *clt*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTDH.(Thủy)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2015 (HỆ NIÊN CHẾ)
(Kèm theo Quyết định số 1853 /QĐ-MĐC ngày 31 tháng 12 năm 2015)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp	Khoa
1	1211060194	Nguyễn Lê Thành	Vinh	10/9/1994	Nam	5.70	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCDDDK57	Cơ điện
2	1111060064	Phạm Văn	Hưng	26/04/1992	Nam	5.73	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động	Tự động hóa	CCCDTD56A	Cơ điện
3	1111060102	Nguyễn Văn	Phương	14/06/1993	Nam	5.95	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động	Tự động hóa	CCCDTD56A	Cơ điện
4	1111060056	Đỗ Văn	Hòa	19/07/1992	Nam	5.58	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động	Tự động hóa	CCCDTD57B	Cơ điện
5	1211050164	Trương Thị Hà	Phương	12/1/1994	Nữ	5.99	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
6	1211050112	Bùi Văn	Thành	2/11/1994	Nam	6.00	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
7	1211020155	Kiều Đức	Sang	15/05/1994	Nam	5.92	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD57A	Địa chất
8	1211020043	Đới Xuân	Đại	2/7/1993	Nam	5.77	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCCD57B	Địa chất
9	1111060041	Nguyễn Việt	Đức	17/12/1992	Nam	6.04	Trung bình khá	Kế toán	Kế toán	CCKTKT56A	Kinh tế và QTKD
10	1011040023	Nguyễn Bá	Duy	22/04/1989	Nam	5.88	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT55B	Mỏ
11	1111040006	Bùi Tân	Bình	26/08/1993	Nam	6.49	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT56B	Mỏ
12	1211040019	Hoàng Việt	Bình	16/09/1994	Nam	6.75	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57A	Mỏ
13	1121040238	Nguyễn Duy	Thành	24/05/1993	Nam	6.49	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57A	Mỏ
14	1211040010	Trần Tuấn	Anh	11/7/1994	Nam	6.01	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57B	Mỏ
15	1211040022	Nguyễn Hoàng Bảo	Chân	12/7/1994	Nam	6.08	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57C	Mỏ
16	1211040040	Phạm Văn	Dũng	18/10/1993	Nam	5.94	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57C	Mỏ

17	1211050045	Nguyễn Trung	Hiếu	28/08/1993	Nam	6.06	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57C	Mỏ
18	1211040196	Nguyễn Đức	Trung	10/1/1994	Nam	7.14	Khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT57C	Mỏ
19	1011040032	Hoàng Văn	Đoàn	1/1/1992	Nam	6.05	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và	CCMONM55	Xây dựng
20	1011030132	Nguyễn Văn	Tùng	12/9/1992	Nam	5.95	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CTTDDC55	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
21	1211030088	Đặng Thế	Linh	5/11/1994	Nam	6.49	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC57	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
22	1211030202	Trần Đình	Thọ	11/2/1992	Nam	6.31	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC57	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
23	1211030189	Phùng Thanh	Tùng	16/02/1992	Nam	6.30	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC57	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
24	1211030081	Cao Đình	Khoa	21/08/1993	Nam	6.18	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDID57B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
25	1111030119	Nguyễn Thanh	Tú	16/04/1993	Nam	6.06	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDID57B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
26	1211030195	Nguyễn Khánh	Văn	13/09/1994	Nam	6.51	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDID57B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
27	1211070053	Trần Xuân	Hùng	4/11/1991	Nam	6.26	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và	CCXDXD57A	Xây dựng
28	1211070077	Phạm Văn	Nguyễn	4/12/1992	Nam	6.38	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và	CCXDXD57B	Xây dựng
29	1211070113	Phùng Văn	Tiến	3/9/1991	Nam	5.96	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và	CCXDXD57B	Xây dựng
30	0821050135	Nguyễn Hữu	Nam	10/7/1990	Nam	6.35	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT53	Công nghệ thông tin
31	0821050059	Nguyễn Văn	Phú	25/08/1990	Nam	6.26	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM53	Công nghệ thông tin
32	0821050154	Dương Tiến	Đạt	17/06/1990	Nam	6.82	Trung bình khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDID53C	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
33	1334010026	Đặng Ngọc	Đại	5/7/1991	Nam	6.36	Trung bình khá	Kế toán	Kế toán	LCKTKT6	Kinh tế và QTKD
34	1331040056	Bạch Văn	Trường	8/9/1990	Nam	6.29	Trung bình khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOKT6	Mỏ
35	1331030053	Trần Tiến	Khánh	1/1/1990	Nam	6.46	Trung bình khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDID6B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ

36	1331030100	Phạm Văn	Thiệp	26/06/1991	Nam	6.52	Trung bình khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD6B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
37	1331030120	Lưu Thị	Tuyến	10/4/1990	Nữ	6.98	Trung bình khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD6B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
38	1111060117	Phạm Ngọc	Son	30/09/1993	Nam	5.99	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mỏ	CCCDMT56	Cơ điện
39	1011020124	Lê Văn	Thu	13/07/1991	Nam	6.55	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC56A	Địa chất
40	1111020045	Bùi Đình	Giang	4/6/1992	Nam	6.18	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC56A	Địa chất
41	1011020110	Nguyễn Văn	Quyết	8/8/1992	Nam	5.99	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC56C	Địa chất
42	1011040023	Nguyễn Bá	Duy	22/04/1989	Nam	5.88	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT55B	Mỏ
43	1011040137	Vũ Trọng	Thích	20/08/1992	Nam	7.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT56B	Mỏ
44	1011030076	Nguyễn Hồng	Ngọc	9/9/1992	Nam	5.91	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC55	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
45	1011040100	Nhữ Văn	Nam	6/8/1992	Nam	6.13	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD56B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
46	1111030071	Trần Đức	Mạnh	26/08/1993	Nam	6.59	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD56B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
47	1211030195	Nguyễn Khánh	Văn	13/09/1994	Nam	6.51	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD57B	Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ
48	0751050062	Nguyễn Thành	Long	6/1/1989	Nam	6.23	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT52	Công nghệ thông tin

Số: 126/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng hệ chính quy các khóa;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng cho 68 sinh viên cao đẳng hệ chính quy các khóa ngành đào tạo: Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa, Kế toán và Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.



PGS.TS Lê Hải An

nr2

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG - NIÊN CHẾ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - NĂM 2015 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số 826/QĐ-MDC ngày 21 tháng 12 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Lớp	Khoa
1	1211060042	Lưu Xuân	Điệp	9/12/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.83	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
2	1211060051	Đinh Xuân	Hai	29/10/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	6.34	TB khá	CCDDDK57	Cơ điện
3	1211060167	Lương Văn	Trung	2/4/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.74	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
4	1211060170	Nguyễn Thanh	Trường	22/02/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.74	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
5	1211060174	Bùi Văn	Tuấn	23/05/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	5.85	Trung bình	CCDDDK57	Cơ điện
6	1211050048	Lê Thị	Hòa	15/09/1994	Nữ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.69	Trung bình	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
7	1211050057	Nguyễn Quang	Huy	1/11/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.11	TB khá	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
8	1211050091	Trịnh Quốc	Nhật	24/12/1993	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.74	Trung bình	CCCTCT57A	Công nghệ thông tin
9	1211050078	Nguyễn Sỹ	Lực	3/5/1993	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.45	TB khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
10	1211050081	Nguyễn Thị	Mai	14/05/1992	Nữ	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.92	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
11	1211050100	Nguyễn Mạnh	Quang	30/11/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	5.84	Trung bình	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
12	1211050116	Phạm Huy	Thao	9/8/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	6.16	TB khá	CCCTCT57B	Công nghệ thông tin
13	1211020003	Đỗ Tuấn	Anh	20/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.97	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
14	1211050172	Trần Văn	Dân	11/7/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.86	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
15	1211020045	Phạm Văn	Đang	18/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.74	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
16	1211020055	Lê Trung	Đức	1/2/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.88	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất

Phạm

17	1211020036	Phan Văn	Dũng	9/7/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.25	TB khá	CCDCDC57A	Địa chất
18	1211020082	Hà Đắc	Hùng	20/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.64	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
19	1211020157	Đặng Văn	Sáng	7/4/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.80	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
20	1211020166	Trần Văn	Tăng	5/1/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.37	TB khá	CCDCDC57A	Địa chất
21	1211020168	Ban Văn	Tăng	15/01/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.61	Trung bình	CCDCDC57A	Địa chất
22	1211020221	Ngô Văn	Tuấn	19/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.21	TB khá	CCDCDC57A	Địa chất
23	1211020235	Lưu Nhất	Vũ	21/01/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.17	TB khá	CCDCDC57A	Địa chất
24	1211020056	Trần Văn	Đương	5/3/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.30	TB khá	CCDCDC57B	Địa chất
25	1111020066	Vũ Huy	Hoàng	6/5/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.00	TB khá	CCDCDC57C	Địa chất
26	1211020120	Lê Trọng	Mạnh	8/2/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.83	Trung bình	CCDCDC57C	Địa chất
27	1211020187	Đỗ Văn	Thịnh	30/04/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.80	Trung bình	CCDCDC57C	Địa chất
28	1111020072	Thái Việt	Huy	7/10/1993	Nam	Kế toán	Kế toán	6.10	TB khá	CCKTKT56A	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
29	1114010015	Nguyễn Thu	Hà	28/09/1993	Nam	Kế toán	Kế toán	5.96	Trung bình	CCKTKT56B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
30	1111060047	Nguyễn Đăng	Hải	26/03/1993	Nam	Kế toán	Kế toán	5.49	Trung bình	CCKTKT57B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
31	1124010422	Trần Anh	Linh	13/07/1992	Nam	Kế toán	Kế toán	5.75	Trung bình	CCKTKT57B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
32	1214010162	Đỗ Hữu	Tiến	25/08/1994	Nam	Kế toán	Kế toán	6.44	TB khá	CCKTKT57B	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
33	1111040013	Nguyễn Thành	Công	22/11/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	6.49	TB khá	CCMOKT56A	Mỏ
34	0821010372	Hà Minh	Thành	22/05/1988	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	5.77	Trung bình	CCMOKT56A	Mỏ
35	1111040142	Ma Công	Tốt	17/04/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	6.45	TB khá	CCMOKT56A	Mỏ

20/11/2023

36	1011040076	Trịnh Văn	Khánh	10/1/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.19	TB khá	CCMOKT56B	Mỏ
37	1111040134	Nguyễn Văn	Thuấn	21/09/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.38	TB khá	CCMOKT56B	Mỏ
38	1111040144	Phạm Thành	Trung	25/05/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.21	TB khá	CCMOKT56B	Mỏ
39	1211040005	Nguyễn Tuấn	Anh	20/12/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.34	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
40	1211040013	Bùi Duy	Bách	21/05/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.64	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
41	1111040017	Nguyễn Thế	Cường	27/12/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	5.89	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
42	1111040018	Nguyễn Văn	Cường	6/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.27	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
43	1111040163	Nguyễn Văn	Đồng	19/05/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.19	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
44	1211040044	Cao Văn	Dương	15/06/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.09	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
45	1211050159	Trần Văn	Hào	2/8/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	5.44	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
46	1211040125	Lê Mã	Lương	17/10/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.26	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
47	1211040172	Nguyễn Đức	Thắng	14/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.73	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
48	1211040177	Đặng Văn	Thuần	19/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.63	TB khá	CCMOKT57A	Mỏ
49	1211040219	Bùi Văn	Tuyển	29/08/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	5.73	Trung bình	CCMOKT57A	Mỏ
50	1211040205	Nguyễn Đình	Tuân	25/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.14	TB khá	CCMOKT57C	Mỏ
51	1211040216	Đỗ Minh	Tuyển	7/7/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.25	TB khá	CCMOKT57C	Mỏ
52	1211030008	Nguyễn Tuấn	Anh	21/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.40	TB khá	CCTDDC57	Trắc địa
53	1211030036	Nguyễn Đại	Đồng	20/09/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.40	TB khá	CCTDDC57	Trắc địa
54	1211030059	Nguyễn Văn	Hộ	19/07/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.21	TB khá	CCTDDC57	Trắc địa

1182

55	1211030107	Phạm Văn	Năng	9/2/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	5.99	Trung bình	CCTDDC57	Trắc địa
56	1211030197	Nguyễn Ngọc	Việt	10/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	6.40	TB khá	CCTDDC57	Trắc địa
57	1111030116	Trần Văn	Trung	16/07/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.09	TB khá	CCTD56B	Trắc địa
58	1211030114	Quách Thị	Ngọc	2/7/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.67	TB khá	CCTD57A	Trắc địa
59	1211030082	Nguyễn Đăng	Kiên	7/11/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.88	Trung bình	CCTD57B	Trắc địa
60	1111030088	Phạm Văn	Quý	16/07/1992	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.06	TB khá	CCTD57B	Trắc địa
61	1211070005	Phạm Công	Bắc	27/05/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.05	TB khá	CCXDXD57A	Xây dựng
62	1111070011	Nguyễn Đức	Cảnh	3/1/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.03	TB khá	CCXDXD57A	Xây dựng
63	1211070067	Phạm Thị	Lương	17/08/1994	Nữ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.51	TB khá	CCXDXD57A	Xây dựng
64	1111020042	Khuất Anh	Linh	5/1/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.73	Trung bình	CCXDXD56A	Xây dựng
65	1211070011	Đặng Văn	Cường	10/3/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.68	TB khá	CCXDXD57B	Xây dựng
66	1211040151	Đỗ Thanh	Quang	1/9/1994	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.92	Trung bình	CCXDXD57B	Xây dựng
67	1211070099	Nguyễn Văn	Thắng	30/11/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.63	TB khá	CCXDXD57B	Xây dựng
68	1211070128	Trần Văn	Tuấn	8/6/1993	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.11	TB khá	CCXDXD57B	Xây dựng